**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CHẾ ĐỊNH LY HÔN**

### 1.2. Phân loại ly hôn

Ly hôn là việc chấm dứt mối quan hệ vợ chồng theo pháp luật (cụ thể là theo Bản án hoặc Quyết định CNTTLH của Tòa án). Thủ tục ly hôn sẽ do Tòa án có thẩm quyền giải quyết ( UBND không có thẩm quyền giải quyết).

Có 02 cách để thực hiện thủ tục ly hôn là: Thuận tình ly hôn và đơn phương ly hôn.

#### 1.2.1. Thuận tình ly hôn.

Thuận tình ly hôn là trường hợp cả hai vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn và phải đạt được tất cả các thỏa thuận về việc phân chia tài sản, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì TA CNTT ly hôn. (có tranh chấp; thời gian giải quyết TTLH thông thường từ 02 tháng đến 4 tháng).

Trường hợp thuận tình ly hôn là do yêu cầu của hai bên vợ và chồng cùng đồng ý ly hôn, thật sự tự nguyện ly hôn.

Trong thuận tình ly hôn, do tính chất của việc hai bên đã thỏa thuận được về việc ly hôn nên thường đã có thỏa thuận trước về chia tài sản và người chăm sóc con cái. Khi đã có thỏa thuận của hai bên, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về chia tài sản, con cái. Nếu không có thỏa thuận thì có thể yêu cầu Tòa án chia tài sản và giải quyết người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng…

Theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án sẽ giải quyết ly hôn nếu có căn cứ rằng: “*Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; nếu không thỏa thuận được hoặc có thỏa thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án giải quyết việc ly hôn.”*

Có thể nói, sự tự nguyện thực sự của vợ chồng là điều kiện để Tòa án công nhận ly hôn đồng thuận. Do vậy, Tòa án sẽ xem xét cho thuận tình ly hôn nếu có đủ cả 3 yếu tố sau:

* Vợ chồng cùng tự nguyện ly hôn và ký vào đơn ly hôn.
* Đã thỏa thuận được người nuôi con và [mức cấp dưỡng cho con](https://luatnqh.vn/muc-cap-duong-nuoi-con-khi-ly-hon/), sự thỏa thuận này phải đảm bảo được quyền lợi cho các bên và cho con.
* Đã thỏa thuận được vấn đề phân chia tài sản tài sản, hoặc chưa thỏa thuận được nhưng không yêu cầu tòa án giải quyết tài sản. Trường hợp vợ chồng đã thỏa thuận được vấn đề tài sản và có mong muốn Tòa án công nhận thì có thể viết vào đơn để đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận này.

#### 1.2.2. Đơn phương ly hôn.

Đơn phương ly hôn là trường hợp khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại tòa không thành thì TA giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, việc sống chung không thể kéo dài, dẫn đến mục đích của hôn nhân không đạt được. (thời gian giải quyết ĐPLH thông thường từ 4 tháng đến 6 tháng và có thể kéo dài hơn nếu vụ án phức tạp hoặc một bên cố tình không tác trong quá trình giải quyết).

Đơn phương ly hôn, tính chất của nó là do ý chí của một bên đứng ra yêu cầu ly hôn nên thường không đạt được các thỏa thuận về tài sản và con cái. Trường hợp này, Tòa án tiến hành hòa giải, các bên có thể có thỏa thuận về chia tài sản và người nuôi con.

Cho dù chia tài sản và con cái trong trường hợp thuận tình ly hôn hay đơn phương ly hôn thì hai bên đều có quyền tự thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng thủ tục giải quyết việc đơn phương ly hôn thường sẽ lâu hơn thuận tình ly hôn bởi nhiều nguyên nhân mang tính khách quan: Bị đơn (người không muốn ly hôn) không ra tòa án; thường xảy ra tranh chấp tài sản, quyền nuôi con...; một bên bỏ đi mất tích không rõ địa chỉ...Trong những trường hợp đó thẩm phán thường ra quyết định tạm đình chỉ vụ án đây cũng là một trong những nguyên nhân kéo dài thời hạn giải quyết vụ việc.

Thẩm phán phải tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha, mẹ và con, giữa các thành viên khác trong gia đình, về trách nhiệm cấp dưỡng và các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình.

### Pháp luật về chế định ly hôn.

#### 1.3.1. Quyền yêu cầu ly hôn.

Vợ chồng bình đẳng với nhau về quyền yêu cầu ly hôn. Trong suốt thời kì hôn nhân, vợ chồng đều có quyền ly hôn như nhau, không ai được cưỡng ép, lừa dối, cản trở vợ, chồng hoặc cả hai vợ chồng trong việc thực hiện quyền yêu cầu ly hôn. Tuy nhiên nhằm bảo vệ lợi ích của phụ nữ, của trẻ em và của xã hội, khoản 3 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định hạn chế quyền ly hôn của người chồng trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Tuy nhiên, khoản 2 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định một trường hợp ngoại lệ cho phép cha mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu ly hôn. Cha mẹ, người thân thích khác của vợ, chồng chỉ có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp đặc biệt là khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

#### 1.3.2. Căn cứ ly hôn.

Nhà nước bằng pháp luật quy định những điều kiện nào xác lập quan hệ vợ chồng, đồng thời xác lập trong những điều kiện căn cứ nhất định mới được phép xóa bỏ (chấm dứt) quan hệ hôn nhân. Đó chính là căn cứ ly hôn được quy định trong pháp luật của Nhà nước. Như vậy, căn cứ ly hôn là những tình tiết (điều kiện) được quy định trong pháp luật và chỉ khi có những tình tiết (điều kiện) đó, Tòa án mới được xử cho ly hôn.

Mặc dù có nhiều quy định khác nhau nhưng pháp luật của mỗi nước qua từng thời kỳ lại thể hiện ý chí của Nhà nước cho phép chấm dứt quan hệ vợ chồng trong những điều kiện nào mà Nhà nước có thể kiểm soát việc ly hôn. Qua đó cũng có thể đảm bảo lợi ích của gia đình và con cái, cũng như sự ổn định của xã hội.

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đã quy định rõ ràng tại điều 55 quy định về thuận tình ly hôn; điều 56 là về Ly hôn theo yêu cầu của một bên. Pháp luật đã quy định rất cụ thể và chi tiết về quyền và nghĩa vụ của các bên trước khi ly hôn , và cũng như các căn cứ để TA có thể xác định chính xác tình trạng hôn nhân để có thể đưa tới quyết định ly hôn.

*Thứ nhất, căn cứ ly hôn khi thuận tình ly hôn*

Theo quy định của Điều 55, Luật HN&GĐ 2014, trong việc thuận tình ly hôn, ngoài ý chí thật sự tự nguyện xin thuận tình ly hôn của vợ chồng, đòi hỏi hai vợ chồng còn phải có sự thoả thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con, nếu vợ chồng không thoả thuận được hoặc có thoả thuận nhưng không bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của vợ và con thì Toà án quyết định giải quyết việc ly hôn.

 Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu xin ly hôn thì Toà án vẫn phải tiến hành hoà giải, mục đích là để vợ chồng rút đơn yêu cầu ly hôn và đoàn tụ với nhau. Thực tế, nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến ly hôn hay thuận tình ly hôn cũng là do tình cảm của vợ chồng bị rạn nứt, một trong hai bên đã không làm tròn nghĩa vụ của mình với gia đình hay vì tự ái cá nhân hoặc hiểu lầm trong quan hệ của vợ hoặc chồng mình nên đã quyết định yêu cầu TA giải quyết cho họ được ly hôn.

Nếu hoà giải thành tức là vợ chồng rút đơn thuận tình ly hôn thì Toà án lập biên bản hoà giải thành, sau 15 ngày kể từ ngày Toà án lập biên bản hoà giải thành mà các bên đương sự không thay đổi ý kiến thì Toà án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án (Điều 10, Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015). Còn khi hoà giải không thành, các bên thực sự tự nguyện ly hôn nhưng không thoả thuận được về việc chia tài sản hoặc việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì Toà án lập biên bản về việc hoà giải đoàn tụ không thành và về những vấn đề hai bên không thoả thuận được hoặc có thoả thuận nhưng không bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con, đồng thời mở phiên Toà xét xử theo thủ tục chung (điểm d, khoản 3, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

*Thứ hai, căn cứ ly hôn khi ly hôn theo yêu cầu của một bên*

Ly hôn theo yêu cầu của một bên là trường hợp chỉ có một trong hai vợ chồng, hoặc cha, mẹ, người thân thích của một trong hai bên yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân. Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên.

 Theo đó, khi ly hôn theo yêu cầu của một bên thì Tòa án cần dựa vào một trong ba căn cứ sau đây:

Một là, đối với trường hợp khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại TA không thành thì TA giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Như vậy, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã đưa yếu tố lỗi để xem xét cho ly hôn, qua đó thể hiện sự tiếp thu quy định của một số nước trên thế giới khi có sự kết hợp giữa thực trạng của hôn nhân và yếu tố lỗi để giải quyết việc ly hôn.

 Hai là, đối với trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Tuyên bố một người mất tích là một sự kiện pháp lý nhằm xác định một người cụ thể “hoàn toàn không rõ tung tích, cũng không rõ còn sống hay đã chết” (theo từ điển tiếng Việt). Theo quy định tại khoản 1, Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Khi một người biệt tích 2 năm liền trở lên, mặc dù đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc người đó còn sống hay đã chết thì theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án có thể tuyên bố người đó mất tích….”,*  Khoản 2 Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định về căn cứ cho ly hôn có đề cập tới trường hợp yêu cầu ly hôn khi một trong hai người mất tích như sau: *“Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.”.*

Trường hợp đồng thời yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án chỉ giải quyết cho ly hôn khi có bằng chứng chứng minh được chồng hoặc vợ đã mất tích. Việc tuyên bố cá nhân mất tích có ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó góp phần bảo vệ lợi ích của cá nhân cũng như các chủ thể có liên quan. Việc xác định đúng điều kiện và hậu quả pháp lí của các tuyên bố này là cơ sở đảm bảo quyền lợi cho các chủ thể, đồng thời góp phần thực hiện có hiệu quả nhưng quy định của pháp luật trong tuyên bố các cá nhân mất tích.

Ba là, đối với trường hợp có yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thay vì chỉ vợ, chồng hoặc cả hai người mới có quyền yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn như trước đây thì kể từ nay, căn cứ để cha, mẹ, người thân thích khác cũng có quyền yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ.

Bên cạnh đó, đối với trường hợp này Tòa án yêu cầu cha, mẹ, người thân thích khác của vợ hoặc chồng cần phải chứng minh được việc người chồng hoặc vợ bị mất năng lực hành vi dân sự phải là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ.

#### 1.3.3. Hậu quả pháp lý của hôn nhân.

 Vợ chồng kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện nhưng trong thực tế vẫn có hàng ngàn lý do khác nhau để các cặp đôi chia tay nhau. Vì vậy Tòa án khi giải quyết ly hôn phải giải quyết các vấn đề liên quan như: quan hệ nhân thân; quan hệ giữa cha, mẹ và con cái, quan hệ cấp dưỡng; quan hệ về tài sản, nợ***.***

*1.3.3.1.Quan hệ nhân thân giữa vợ chồng*

 Theo nguyên tắc chung khi bản án, quyết định ly hôn của TA có hiệu lực pháp luật thì quan hệ vợ, chồng được chấm dứt. Người vợ, chồng đã ly hôn có quyền kết hôn với người khác. Sau khi ly hôn, các quyền và nghĩa vụ nhân thân giữa vợ và chồng sẽ chấm dứt hoàn toàn, dù vợ chồng có thỏa thuận được hay không thì Tòa án cũng phải giải quyết.

 Trong xã hội hiện nay có một số trường hợp mặc dù vợ chồng đã ly hôn, phán quyết ly hôn của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, nhưng sau đó vợ chồng lại “tái hợp” chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn theo thủ tục mà Luật đã quy định. Theo hướng dẫn của TANDTC trong trường hợp vợ chồng đã ly hôn theo phán quyết của Tòa án có hiệu lực pháp luật, sau đó vợ chồng lại “tái hợp” chung sống với nhau một thời gian, giữa họ có con chung, có tài sản chung và vì một lý do nào đó sau này họ lại yêu cầu: “ chấm dứt hôn nhân bằng ly hôn” thì Tòa án không giải quyết việc ly hôn nữa.

*1.3.3.2. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ và con sau khi ly hôn.*

 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có thể thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ mỗi bên sau ly hôn đối với con cái; nếu không thỏa thuận được thì TA quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng và nếu con đã từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Và về nguyên tắc, theo khoản 3, Điều 81, Luật HN&GĐ 2014 đã quy định: *“… Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con…”.*

 Ngoài ra, để bảo vệ quyền và lợi ích của con đặc biệt là con chưa thành niên hoặc đã thành niên mà bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và tài sản để tự nuôi mình, pháp luật quy định sau khi ly hôn vợ, chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tuy nhiên, để đảm bảo về lợi ích mọi mặt của con TA cũng phải xem xét về tư cách đạo đức, hoàn cảnh công tác, điều kiện kinh tế, thời gian của cả hai bên vợ, chồng… để xem xét ai là người có đủ điều kiện thực tế thực hiện việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tốt hơn thì sẽ giao cho người đó.

 Nếu trong trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Ngoài ra, Theo Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, trong trường hợp vì lợi ích của con, khi có đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án sẽ xem xét và quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

*1.3.3.3. Nghĩa vụ cấp dưỡng sau ly hôn.*

 Khi xem xét đến việc giao con cho ai nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục thì đồng thời cũng phải xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với các quy định về cấp dưỡng, mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đồng thời Tòa án cũng phải xem xét hoàn cảnh và khả năng kinh tế của người phải cấp dưỡng và người được giao trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con để đưa ra quyết định về mức cấp dưỡng hợp lý nhất.

Điều 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi ly hôn nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình.”*

 Như vậy, luật đã quy định việc giải quyết việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn đặt ra sẽ thỏa mãn hai điều kiện:

 - Một bên có khó khăn túng thiếu (phải do ốm đau, tàn tật, phụ nữ mang thai, sinh đẻ, nuôi con nhỏ… Người khó khăn, túng thiếu phải có yêu cầu cấp dưỡng. Nếu họ khó khăn, túng thiếu nhưng không yêu cầu thì nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ không được đặt ra. Tuy nhiên, nếu trong trường hợp người có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng lười biếng, rượu chè, cờ bạc, nghiện ngập rơi vào tình trạng túng thiếu thì không có quyền được nhận cấp dưỡng.

 - Bên kia có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. có nghĩa là phải xét xem tình trạng sức khỏe, khả năng lao động và thu nhập của họ, nếu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng mà làm ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của họ thì không được coi là có khả năng cấp dưỡng. dù họ có yêu ccaaud được cấp dưỡng thì họ cũng không phải cấp dưỡng(vì không có khả năng).

 Về phương thức và mức cấp dưỡng được quy định rõ trong Điều 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do các bên thỏa thuận định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, một năm hoặc một lần. Trong trường hợp hai bên vợ chồng không thỏa thuận được thì TA sẽ quyết định phương thức cấp dưỡng định kì hàng tháng. Khi quyết định mức cấp dưỡng, Tòa án cần xem xét kỹ lưỡng toàn diện về nhu cầu tối thiểu của người nhận cấp dưỡng và khả năng của người phải cấp dưỡng để có quyết định phù hợp.

*1.3.3.4. Chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn.*

 Việc chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn sẽ do vợ chồng tực thỏa thuận trước, nếu không được, thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

 Để đảm bảo công bằng và hợp lý khi chia tài sản khi ly hôn của vợ chồng tại Điều 59 Luật HN&GĐ năm 2014 đã quy định cụ thể các nguyên tắc chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn.

 Khi thực hiện chia tài sản chung của vợ chồng phải bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ và con chưa thành niên, hoặc con đã thành niên mà bị tàn tật hoặc mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản đẻ tụ nuôi mình để đảm bảo cho họ có một cuộc sống ổn định.